TÒA ÁN NHÂN DÂN
huyện Đ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2019.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNhuyện Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà: Trương Thị Kim Tiến.

2. Ông: Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dânhuyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 08/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dânhuyện Đ, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Anh Danh Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 28/11/2018 và những lời tiếp theo chị Nguyễn Thị Thanh T, trình bày:

Chị và anh Danh Đ chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Xã L, huyện H, tỉnh BL. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T

cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan điểm, anh Đ không chí thú làm ăn, rượu chè rồi về nhà đánh đập vợ con nên đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị T khai chị và anh Đ có một con chung là cháu Danh Thành C, sinh năm 2010; hiện con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị xin được quyền trực tiếo nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, chị xác định cháu C hiện đang sống với gia đình anh Đ. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

Đối với anh Danh Đ, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng,*

Chị Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn với anh Danh Đ. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dânhuyện Đ, tỉnh Long An.

Anh Danh Đ vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung,*

[2.1] *Về hôn nhân,*

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đanh Đ chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 11, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trước tòa, chị T cương quyết xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

Đối với anh Danh Đ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Bảo vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của

chị T. Tại phiên tòa, anh Đ vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ cả hai bên cũng không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không còn khả năng hàn gắn nên chị T xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị T khai có 01 con chung là cháu Danh Thành C, sinh năm 2010. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu C hiện nay đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai cháu có nguyện vọng sống với anh Đ khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu C cho anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị không cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không có ý kiến gì về việc có yêu cầu chị T cấp dưỡng hay không nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có.

Anh Danh Đ vắng mặt, không có ý kiến phản hồi về việc quá trình sống chung giữa anh và chị T có tài sản chung hoặc có nợ ai hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3.] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. *Về hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Danh Đ.

2. *Về con chung*:

Anh Danh Đ được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Danh Thành C, sinh ngày 12/8/2010.

Chị Nguyễn Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Danh Đ không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003728 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sựhuyện Đ, sang án phí để thi hành.

4. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Danh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSNDhuyện Đ;
- Chi cục THADShuyện Đ;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức